

# THIẾT KẾ ĐỊNH HƯỚNG KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA MODULE DẠY HỌC

ThS. TRẦN LƯƠNG\*

1. Tiếp cận thiết kế module hay chương trình dạy học (DH) hiện đại là phương thức DH dựa vào định hướng kết quả học tập (KQHT) - chuẩn đầu ra của người học. Định hướng KQHT (diễn tả cái mong đợi người học có thể làm được tại thời điểm kết thúc việc học tập). Định hướng KQHT có ý nghĩa định hướng toàn bộ quá trình DH, bao gồm: việc xác định mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, phương tiện DH,...; là cơ sở để tổ chức, kiểm tra quá trình DH, đánh giá KQHT. Cách tiếp cận thiết kế module hay chương trình DH dựa vào định hướng KQHT là cách tiếp cận "lấy người học làm trung tâm". Vì vậy, việc nghiên cứu thiết kế định hướng KQHT của module/ chương trình DH mở ra khả năng và phương thức vận dụng trong thực tiễn DH sao cho đạt chất lượng và hiệu quả nhất.

## 2. Một số vấn đề lí luận

**2.1. Khái niệm module DH.** Theo Bùi Hiền: "Module DH là đơn vị học tập thuộc một chương trình đào tạo, một chương trình môn học, chứa đựng cả mục tiêu, nội dung, phương pháp DH cùng với công cụ đánh giá, điều khiển KQHT, tạo thành một thể hoàn chỉnh" (1).

Theo Roisin Donnelly and Marian Fitzmaurice, "Cấu trúc của một module DH có sự liên kết giữa nhu cầu của người học, mục tiêu, KQHT, nguồn hỗ trợ học tập, chiến lược dạy và học (phương pháp dạy và học), tiêu chuẩn kiểm tra và đánh giá." (2).

Từ các khái niệm trên, có thể khái quát: Module DH là một chương trình DH tương đối độc lập có khả năng lắp ráp (hoặc tháo gỡ) với nhau tùy theo mục đích sử dụng, được cấu trúc một cách đặc biệt nhằm đáp ứng nhu cầu, hứng thú, năng lực của người học, chứa đựng cả mục tiêu, định hướng KQHT, nội dung, chiến lược DH, chiến lược kiểm tra, đánh giá KQHT và hỗ trợ người học. Chúng gắn bó chặt chẽ với nhau tạo thành thể thống nhất hoàn chỉnh, toàn vẹn.

*Mục đích của module DH:* diễn tả khái quát chung về cái GV dự định làm hoặc đạt được, trong khi mục tiêu diễn tả một cách chi tiết, cụ thể về những gì GV dự định làm hoặc đạt được.

*Định hướng KQHT của module DH:* Diễn tả cá người học mong đợi có khả năng chứng tỏ được về kiến thức, kĩ năng và thái độ khi hoàn thành module DH: - Định hướng KQHT tập trung vào cái người học đạt được hơn là dự định của GV; - Định hướng KQHT không phải là những gì GV cung cấp, nhưng người học có thể thể hiện được về kiến thức, kĩ năng và thái độ khi kết thúc module DH. Ý nghĩa của việc thiết kế định hướng KQHT là cơ sở để tổ chức quá trình DH và là tiêu chuẩn để kiểm tra, đánh giá KQHT.

## 2.2. Quy trình thiết kế định hướng KQHT

- Thiết kế định hướng KQHT. Có nhiều cách tiếp cận để thiết kế định hướng KQHT, dưới đây chúng tôi trình bày cách tiếp cận thiết kế định hướng KQHT theo Benjamin Bloom và Dave R.H.

Theo Benjamin Bloom (3), có 3 lĩnh vực học tập bao gồm:

+ *Về lĩnh vực nhận thức:* Nếu định hướng KQHT yêu cầu người học chứng tỏ quá trình tư duy thì 6 loại lĩnh vực nhận thức sau sẽ giúp chúng ta quyết định mức độ nhận được yêu cầu, gồm: 1) *Biết:* là khả năng nhắc lại hoặc nhớ các sự kiện mà không nhất thiết phải hiểu chúng. Một số động từ hành động sau đây được dùng để chỉ mức độ "biết" như: sắp xếp, tập hợp, đếm, định nghĩa, mô tả, nêu ra, lặp lại, liệt kê, xem xét, phát hiện, nhận ra, dán nhãn, ghi nhớ, gọi tên, sắp đặt, phác thảo, trình bày, chỉ ra, trích dẫn, nhắc lại, nhận ra, ghi lại, kể lại, thuật lại, tái tạo lại, lựa chọn, tỏ rõ, phát biểu, trình bày bằng bảng, nói ra, viết ra,... 2) *Hiểu:* là khả năng hiểu và giải thích được thông tin học tập. Một số động từ hành động sau đây được dùng để chỉ mức độ "hiểu": liên tưởng, thay đổi, làm sáng tỏ, phân loại, thành lập, đối chiếu, biến đổi, giả thích, biện hộ, diễn tả, so sánh, phân biệt, trình bày, nhận ra, nhận biết, nhận dạng, ước lượng, bày tỏ, đưa ra, suy luận, khái quát hóa, cho ví dụ, minh họa, biểu lộ, biểu thị, cho biết, suy ra, luận ra, thể hiện, xác định, diễn giải, dự báo, tường thuật, báo cáo, phát biểu, trình bày lại, viết lại, xem xét lại, hồi tưởng, lựa chọn, chỉ rõ, định rõ, giải, chuyển thành, tóm tắt,...

\* Bộ môn Tâm lí - Giáo dục - Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

3) *Áp dụng*: là khả năng sử dụng tài liệu học tập vào trong tình huống mới. Ví dụ, sử dụng khái niệm, nội dung để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. Một số động từ hành động sau đây được dùng để chỉ mức độ "áp dụng": áp dụng, ứng dụng, tiếp cận, tính toán, thay thế, lựa chọn, hoàn thành, ước tính, kiến tạo, xây dựng, chứng minh, chứng tỏ, triển khai, khám phá, phát triển, làm thành, sử dụng, nghiên cứu, thí nghiệm, phát hiện, minh họa, thể hiện, làm sáng tỏ, vận dụng, thay đổi, điều khiển, tổ chức, thiết lập, thực hành, dự báo, chuẩn bị, làm, liên hệ, sắp xếp, chọn lọc, tỏ ra, phác họa, giải quyết, chuyển đổi, sử dụng;

4) *Phân tích*: là khả năng phân chia đối tượng (thông tin) thành các "bộ phận", các thành phần khác nhau. Một số động từ hành động sau đây được dùng để chỉ mức độ "phân tích" bao gồm: Phân tích, phân chia, xác định, sắp xếp, phân nhỏ, tính toán, phân loại, so sánh, liên kết, đối chiếu, bình phẩm, tranh luận, suy luận, suy ra, xác định, phân biệt, phân chia, xem xét, nghiên cứu, thí nghiệm, nhận ra, minh họa, suy ra, sắp đặt, phác thảo, đưa ra, đề cập, đặt vấn đề, thuật lại, tách rời, chia nhỏ ra, ...;

5) *Tổng hợp*: là khả năng hợp nhất các thành phần đã được tách rời nhờ sự phân tích thành một chỉnh thể. Một số động từ hành động sau đây được dùng để chỉ mức độ "tổng hợp": đưa ra, sắp xếp, tập hợp lại, thu thập, phân loại, tập hợp, kết hợp, sưu tập, thành lập, tạo ra, phác họa, trình bày, phát triển, phát minh, nghĩ ra, lập, thiết lập, giải thích, tạo thành, khái quát hóa, hợp nhất, phát minh, sắp đặt, làm, quản lí, thay đổi, thành lập, sáng chế, đặt kế hoạch, chuẩn bị, đưa ra, sắp xếp lại, xây dựng lại, liên kết, tái thiết, xem lại, viết lại, dựng lên, tóm tắt, tổng kết, ...;

6) *Đánh giá*: là khả năng đưa ra phán đoán, đánh giá về giá trị của tài liệu cho mục đích đã được đưa ra. Một số động từ hành động sau đây được dùng để chỉ mức độ "đánh giá" bao gồm: đánh giá, nhận xét, tranh luận, gán cho, lựa chọn, quyết định, so sánh, kết luận, làm tương phản, thuyết phục, phê bình, phê phán, bình phẩm, ủng hộ, phân biệt, giải thích, xếp loại, chấm điểm, làm sáng tỏ, xét, phán đoán, biện minh, chứng minh, đo lường, tiêu chuẩn hóa, dự báo, ước lượng, ước tính, định giá, đề nghị, thuật lại, quyết định, ...

+ *Về lĩnh vực cảm xúc (thái độ, giá trị, tình cảm)*. Nếu định hướng KQHT yêu cầu người học chứng tỏ thái độ, giá trị, niềm tin, quan điểm thì 5 loại lĩnh vực nhận thức sau sẽ giúp chúng ta quyết định mức độ nhận được yêu cầu bao gồm: 1) *Tiếp nhận*: Người học sẵn sàng tiếp nhận thông tin; 2) *Hưởng ứng*: Người

học tích cực tham gia vào việc học của mình. Ví dụ, tham gia thảo luận nhóm, giúp đỡ người khác học tập, thuyết trình, ...; 3) *Giá trị hóa*: Người học chấp nhận giá trị của thông tin; 4) *Tổ chức*: Người học xem xét các giá trị khác nhau, giải quyết xung đột giữa chúng và bắt đầu tiếp thu các giá trị; 5) *Tính cách hóa*: Người học có một hệ thống giá trị về niềm tin, quan điểm và những thái độ cái điều chỉnh hành vi một cách nhất quán. Ví dụ, người học biểu lộ mình làm việc độc lập, biểu lộ cam kết thực hiện đạo đức nghề nghiệp, bày tỏ sự điều chỉnh cảm xúc cá nhân, xã hội tốt, duy trì thói quen sức khỏe tốt, ...

Một số động từ hành động sau đây được dùng để chỉ lĩnh vực "xúc cảm": hành động, tham gia, gia nhập, hiểu rõ giá trị, đánh giá cao, yêu cầu, chấp nhận, thừa nhận, đáp lại, hòa nhập, tham dự, cố gắng làm, thách thức, kết hợp, phối hợp, hoàn thành, tuân theo, làm theo, thích ứng với, hợp tác, ủng hộ, biểu thị, thể hiện, phân biệt, thảo luận, biểu lộ, phô bày, tranh luận, đi theo, theo, giữ vững, bắt đầu, khởi xướng, kết hợp, hội nhập, hòa nhập, chứng minh, lắng nghe, xếp đặt, tổ chức, thiết lập, thành lập, tham gia, rèn luyện, gia nhập, chia sẻ, xét đoán, khen ngợi, ca ngợi, tán dương, đặt vấn đề, liên hệ, liên kết, báo cáo, giải quyết, quyết định, tổng hợp, kết hợp, định giá, đánh giá, coi trọng, ...

+ *Về lĩnh vực tâm vận động*: Sau này, Dave R.H, Dave (1970) đã phát triển lý thuyết của mình từ Bloom và đề xuất một hệ thống thứ bậc gồm có 5 cấp độ: 1) *Bắt chước*: Quan sát hành vi của người khác và bắt chước theo hành vi ấy; 2) *Thao tác*: Khả năng thực hiện các hành động bằng cách làm theo hướng dẫn và thực hành kĩ năng; 3) *Chính xác*: Người học có khả năng thực hiện một nhiệm vụ ít lỗi và trở nên chính xác, thành thạo, trơ trẽn hơn mà không cần sự hiện diện của nguồn gốc; 4) *Phối hợp*: Khả năng phối hợp một loạt các hành động bằng cách kết hợp hai hoặc nhiều kĩ năng. Các mẫu có thể được sửa đổi phù hợp với yêu cầu riêng hoặc giải quyết một vấn đề; 5) *Tự động hóa*: khả năng tiến hành các hoạt động một cách tự nhiên ở mức độ cao ("không cần suy nghĩ". Các kĩ năng được kết hợp, sắp xếp theo trình tự và thực hiện một cách phù hợp. .

Một số động từ hành động sau đây được dùng để chỉ lĩnh vực "tâm vận động": phỏng theo, điều chỉnh, làm cho thích hợp, thực thi, thực hiện, thay đổi, biến đổi, sửa đổi, đổi, sắp xếp, sắp đặt, lắp ráp, cân bằng, uốn cong, xây dựng, làm nên, lập nên, dựng lên, hiệu chỉnh, tổ chức, kết hợp, phối hợp, dựng, bắt chước, mô phỏng, thiết kế, phác thảo,

chuyển, khám phá ra, phát hiện ra, thao diễn, biểu thị, tháo dỡ, biểu lộ ra, chia cắt, điều khiển, ước lượng, ước định, đánh giá, kiểm tra, nghiên cứu, thi hành, tổ chức, gắn, đặt, giải quyết, xử lý, thao tác, điều khiển, đo, đo lường, sửa chữa, trộn, hòa lẫn, vận hành, điều khiển, tổ chức, biểu diễn, trình diễn, trình bày, thu, giữ lại, cải thiện, cải tiến, phác họa, phác thảo, sử dụng,...

### 2.3. Một số yêu cầu khi viết định hướng KQHT:

- Định hướng KQHT được viết ở thì tương lai (khi hoàn thành module DH, người học sẽ có khả năng,...); - Sử dụng động từ chỉ hành động để diễn tả định hướng KQHT về kiến thức, kỹ năng và thái độ; - Định hướng KQHT phải quan sát, đo lường và đánh giá được; - Mỗi định hướng KQHT nên sử dụng một động từ chỉ hành động; - Tập trung vào cái chúng ta (GV) mong đợi người học có khả năng chứng tỏ được khi kết thúc module DH.

Viết mục tiêu bằng những câu ngắn gọn, rõ ràng và dễ hiểu. Tránh sử dụng những câu phức. Nếu cần thiết có thể dùng nhiều câu để đảm bảo sự rõ ràng, tránh dùng những từ và câu mơ hồ. Ví dụ như, biết, hiểu, học, ý thức, bày tỏ, nắm vững,... Định hướng KQHT để ra không nên quá chung chung hoặc quá chi tiết.

### 2.4. Ví dụ về thiết kế mục tiêu và định hướng KQHT

Module: NGUYÊN TẮC DẠY HỌC

Mục tiêu: GV sẽ dạy cho người học về khái niệm nguyên tắc DH; hệ thống các nguyên tắc DH.

Định hướng KQHT: sau khi học xong module này người học sẽ có khả năng: *Về nhận thức*: hiểu được khái niệm nguyên tắc DH, các nguyên tắc DH; *Về tâm vận động*: Áp dụng tốt các nguyên tắc DH trong quá trình DH; *Về cảm xúc*: luôn quán triệt, tuân thủ các nguyên tắc DH trong quá trình DH.

3. Ngày nay, cách tiếp cận cận thiết kế chương trình và module DH dựa vào "định hướng KQHT" được xem là một trong những cách tiếp cận thiết kế chương trình và module DH quan trọng và có hiệu quả. Cách tiếp cận này đã và đang được nghiên cứu và áp dụng ở nhiều nước có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Định hướng KQHT diễn tả cái người học được mong đợi có khả năng chứng tỏ được về kiến thức, kỹ năng và thái độ khi hoàn thành quá trình DH. □

(1) Bùi Hiền - Nguyễn Văn Giao - Nguyễn Hữu Quỳnh - Vũ Văn Tảo. *Từ điển Giáo dục học*. NXB Từ điển bách khoa, H. 2005.

(2) (3) Bloom, B. S., Engelhart, M., D., Furst, E.J, Hill,

W. and Krathwohl, D. 1956. **Taxonomy of educational objectives. Volume I and II: The cognitive domain**. New York: McKay.

(4) Dave, R. H. (1970). *Developing and Writing Behavioural Objectives*. (R J Armstrong, ed.) Tucson, Arizona: Educational Innovators Press.

### Tài liệu tham khảo

1. Adam, S. **Using Learning Outcomes: A consideration of the nature, role, application and implications for European education of employing learning outcomes at the local, national and international levels**. Report on United Kingdom – Bologna Seminar, July 2004, Herriot-Watt University, 2004.
2. Bingham, J. **Guide to Developing Learning Outcomes**. The Learning and Teaching Institute Sheffield Hallam University, Sheffield: Sheffield Hallam University, 1994.
3. Bloom, B. S., Engelhart, M., D., Furst, E.J, Hill, W. and Krathwohl, D. 1956. **Taxonomy of educational objectives. Volume I and II: The cognitive domain**. New York: McKay
4. ECTS Users' Guide (2005) Brussels: Directorate-General for Education and Culture. Available online at: [http://ec.europa.eu/education/programmes/socrates/ects/doc/guide\\_en.pdf](http://ec.europa.eu/education/programmes/socrates/ects/doc/guide_en.pdf)
5. Jenkins, A. & Unwin, D. (2001) *How to write learning outcomes*. Available online at: <http://www.ncgia.ucsb.edu/education/curricula/giscc/units/format/outcomes.html>.
6. Gosling, D. and Moon, J. (2001) *How to use Learning Outcomes and Assessment Criteria*. London: SEEC Office
7. Moon, J. (2002) *The Module and Programme Development Handbook*. London: Kogan Page Limited.
8. Moon, J. (2005). *Linking Levels. Learning Outcomes and Assessment Criteria*. Report for the Bologna Conference on Learning Outcomes, Edinburgh, July 2004.

### SUMMARY

*Designing the curriculum base on intended learning outcomes is student centred approach. Intended learning outcomes are used to express what learners are expected to achieve and how they are expected to demonstrate that achievement at the end of the module or program. In this article we present the concept of teaching and learning module, aims, intended learning outcomes and how to design the intended learning outcomes. This approach brings the possibility and how to apply in educational practice for the highest efficiency.*